

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **240/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 26-6-2026

“V/v Tranh chấp về Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vũ

Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Quốc Việt, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 71/2026/TLST-HNGĐ, ngày 11/02/2026 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Anh T** – sinh năm 2002 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Tấn L** – sinh năm 1999 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 16/01/2026 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Anh T trình bày:

Vào ngày 15/02/2024, chị và anh Trần Tấn L sau khi tự tìm hiểu tình cảm được khoảng 08 tháng thì tiến tới hôn với nhau. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục và sau đó vợ chồng chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (cũ) vào ngày 20/3/2024.

Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T là do chồng không lo làm ăn, ham chơi, thường xuyên tụ tập bạn bè cà phê là cà, nhậu nhẹt, chị nhiều lần khuyên ngăn không được thì có nhờ mẹ chồng can thiệp nhưng chồng cũng

không nghe, nhiều lúc bỏ công việc làm ăn buôn bán đi chơi 2-3 ngày mới về nhà. Do đó vợ chồng thường xảy ra tranh cãi, gây gổ, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng tự ly thân khoảng 6 tháng nay. Trong thời gian ly thân chị và chồng không có gặp mặt, có liên lạc qua điện thoại nhưng vợ chồng không trao đổi cũng như không thể hòa giải những mâu thuẫn với nhau được. Nay, chị xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên xin ly hôn, để trả cho cả hai sự tự do, không ràng buộc gì với nhau về sau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có con chung và hiện tại chị cũng không có mang thai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện chị T trình bày vợ chồng chị không có tài sản chung.

Tại phiên tòa: chị T xác định vợ chồng chị có một số tài sản chung, cụ thể là tài sản đó vợ chồng chị được cho trong ngày cưới gồm: Mẹ chồng cho 01 cây (10 chỉ) vàng 24k, dì út của chồng cho 02 chỉ vàng 24k; bà nội của chị cho 01 cây (10 chỉ) vàng 18k, 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wave, 3 cô ruột của chị cho 03 chỉ vàng 24k, mẹ chị, bà ngoại chị, cậu ruột chị cho 03 chỉ vàng 24k. Tất cả số tài sản trên được hai bên gia đình tặng cho vợ chồng chị, tuy nhiên sau đám cưới vợ chồng chị đã bán số tài sản trên để làm vốn kinh doanh, mua bán nhưng làm ăn thất bại, lỗ lã nên hiện tại không còn tiền. Do đó, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung.

Nợ chung: Không có.

Nguyên vọng: Về quan hệ hôn nhân, chị Huỳnh Anh T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Tấn L; Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: chị T xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Anh Trần Tấn L không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho anh L.

Tại bản tự khai ngày 16/3/2026, anh Trần Tấn L trình bày: Tôi đã nhận được các thông báo của Tòa án, tôi có ý kiến như sau: Về quan hệ hôn nhân: Nếu như vợ tôi cương quyết ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn; Về con chung: Tôi và vợ tôi là Huỳnh Anh T không có con chung; Về nợ chung: 02 vợ chồng tôi không có nợ chung; Về tài sản chung: Khi cưới cha mẹ tôi có cho 12 chỉ vàng (loại 9999). Hiện nay vợ tôi là Huỳnh Anh T đang giữ, nếu ly hôn thì tôi yêu cầu xin chia đôi số vàng trên, tôi nhận 06 chỉ vàng (loại 9999), vợ tôi nhận 06 chỉ vàng (loại 9999). Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm, xin Tòa án căn cứ vào lời khai của tôi để giải quyết vụ án. Tôi cam đoan không khiếu nại gì về sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Huỳnh Anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Tấn L được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Anh Trần Tấn L với tư cách là bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Anh T và anh Trần Tấn L xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2024, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (cũ) vào ngày 20/3/2024, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân của chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Huỳnh Anh T được ly hôn với anh Trần Tấn L vì lý do chồng không lo làm ăn, ham chơi, thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, chị nhiều lần khuyên ngăn không được, mẹ chồng can thiệp chồng cũng không nghe, nhiều lúc bỏ công việc làm ăn buôn bán đi chơi 2-3 ngày mới về nhà. Do đó vợ chồng thường xảy ra tranh cãi, gây gổ, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng tự ly thân khoảng 6 tháng nay. Từ ngày ly thân chị và anh L không gặp mặt, không trao đổi, không hòa giải với nhau mà im lặng kéo dài đến nay. Đối với anh Trần Tấn L, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh L đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Chị Huỳnh Anh T khai rõ trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng chị không hòa giải được với nhau, bản thân chị thì không còn tình cảm gì với anh L và tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với anh L. HĐXX thấy rằng, chị Huỳnh Anh T và anh Trần Tấn L đã không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc; thời gian anh chị sống ly thân là để cả hai có thời gian cùng nhau nhìn lại những gì đã trải qua nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Huỳnh Anh T xác định vợ chồng chị chung sống không có con chung và hiện tại chị cũng không có mang thai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung. Do đó, HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện chị T trình bày vợ chồng chị không có tài sản chung.

Tại phiên tòa: chị T xác định vợ chồng chị có một số tài sản chung, cụ thể là tài sản đó vợ chồng chị được cho trong ngày cưới gồm: Mẹ chồng cho 01 cây (10

chị) vàng 24k, di út của chồng cho 02 chỉ vàng 24k; bà nội của chị cho 01 cây (10 chỉ) vàng 18k, 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wave, 3 cô ruột của chị cho 03 chỉ vàng 24k, mẹ chị, bà ngoại chị, cậu ruột chị cho 03 chỉ vàng 24k. Tất cả số tài sản trên được hai bên gia đình tặng cho vợ chồng chị, tuy nhiên sau đám cưới vợ chồng chị đã bán số tài sản trên để làm vốn kinh doanh, mua bán nhưng làm ăn thất bại, lỗ lã nên hiện tại không còn tiền. Do đó, chị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản chung.

Đối với, bị đơn anh Trần Tấn L yêu cầu được chia đôi số vàng cha mẹ anh cho vợ chồng trong ngày cưới là 06 chỉ vàng 24k (loại 9999). Tuy nhiên, anh L chỉ trình bày Tòa án có Thông báo cho anh L đến Tòa để làm đơn yêu cầu nhưng anh L không đến và cũng không làm đơn yêu cầu do đó HĐXX không có căn cứ để xem xét yêu cầu nêu trên của anh L.

[5] nợ chung: Chị Huỳnh Anh T cam kết vợ chồng không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Do anh Trần Tấn L không có ý kiến tại Tòa về vấn đề tài sản chung, nợ chung; nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các vấn đề trên thì anh L có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn chị Huỳnh Anh T phải chịu nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Anh T được ly hôn với anh Trần Tấn L.

2. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Anh T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 301387, ngày 10/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, chị Huỳnh Anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 26/6/2026.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- UBND xã Vĩnh Hòa Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)
Nguyễn Kim Nhập